

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Anh;

2. Ông Triệu Văn Giản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Nam Định;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Lan P, sinh năm 1962, cư trú tại: số 11 ngách 1/105 đường Lưu Hữu Phước, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1960, cư trú tại: số 11 ngách 1/105 đường Lưu Hữu Phước, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị Bùi Thị Lan P, vắng mặt anh Trần Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10-8-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị Lan P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1984 tại Ủy ban nhân dân phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nhưng không còn Giấy chứng nhận kết hôn vì anh Đ đã đốt. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về lối sống, anh Đ thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị. Nay chị xác định tình cảm

vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị P xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh Tuấn, sinh ngày 02-12-1985 và Trần Thị Phương Anh, sinh ngày 20-5-1987. Hiện nay hai cháu đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết về giao nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị P xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa, nên anh Đ không có quan điểm để giải quyết vụ án.

Tại các biên bản xác minh ngày 10 tháng 11 năm 2017 địa phương cung cấp: Anh Đ và chị P kết hôn và chung sống với nhau tại số nhà 11/01/105 đường Lưu Hữu Phước, phường H, thành phố N từ năm 1984 cho đến nay. Ủy ban nhân dân phường H xác nhận hiện nay sổ gốc đăng ký kết hôn năm 1984 không còn lưu giữ nên không cung cấp được về thời gian đăng ký kết hôn của chị P và anh Đ. Quá trình chung sống giữa chị P và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô xát, và chị P đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48 và Điều 97 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị P và anh Đ.

Về con chung: Hai con của chị P và anh Đ đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề giao con khi ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị P trình bày vợ chồng không có và không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Lan P phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Trần Văn Đ. Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Lan P và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau từ năm 1984. Mặc dù chị P không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn nhưng anh chị đã tổ chức lễ cưới theo phong tục, có chung sống và có con chung với nhau từ năm 1984 trước ngày 03-01-1987 ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực. Như vậy, căn cứ điểm a mục 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình vẫn xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống sau khi kết hôn: Vợ chồng chị P và anh Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về lối sống, anh Đ thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị. Đối với anh Đ, Tòa án đã triệu tập nhưng anh Đ không đến Tòa án làm tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn với anh Đ. Xét mâu thuẫn giữa chị P và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị P và xử ly hôn giữa chị P và anh Đ.

[3] Về con chung: Chị P và anh Đ có 02 con chung là Trần Anh Tuấn, sinh ngày 02-12-1985 và Trần Thị Phương Anh, sinh ngày 20-5-1987 Hiện nay hai cháu đã trên 18 tuổi, trưởng thành tự lập và chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị P xác nhận vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a mục 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị Lan P và anh Trần Văn Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Lan P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000570 ngày 04-10-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định được đối trừ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Lan P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND phường H;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Bang